

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 153/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15-8-2022

V/v ly hôn, nuôi con chung giữa
chị T và anh Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đề;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T, sinh năm 1990; hộ khẩu thường trú: Xóm 7, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Nơi ở hiện nay: Xóm 6, xã M, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 7, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(chị T vắng mặt có lý do; anh Đ vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 06-5-2022, bản tự khai ngày 03-6-2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đinh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị T và anh Trần Văn Đ đăng ký kết hôn ngày 10-7-2009 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh Đ tại xóm 7, xã A. Quá trình chung sống do tính tình hai người không

hòa hợp nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, luôn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ngoài ra, do anh Đ không tu trí làm ăn, còn mắc tệ nạn xã hội, chị T đã khuyên bảo, động viên anh Đ nhiều lần nhưng anh không thay đổi. Vì vậy, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ làm ăn, sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3-2022 cho đến nay. Nay chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh Đ nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thanh Liêm, sinh ngày 22-4-2010 và Trần Gia Phong, sinh ngày 22-4-2015. Gần đây chị T đã đón cháu Phong về ở cùng gia đình bên ngoại ở xã M, còn cháu Liêm vẫn ở cùng gia đình bên nội. Khi ly hôn, do anh Đ không có ý kiến về việc nhận nuôi con chung nên chị T có nguyện vọng nhận nuôi cả cháu Phong và cháu Liêm và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, các tài liệu chứng cứ do chị T xuất trình như: Thông báo thụ lý vụ án số 103/TB-TLVA ngày 03 tháng 6 năm 2022, bản sao đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T và bản sao các tài liệu, chứng cứ chị T nộp cho Tòa án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ được; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Anh Đ đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không đến Tòa án làm việc và cũng không gửi văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị T.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ đã được tổng đạt văn bản hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị T và anh Trần Văn Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 10-7-2009. Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa thuận, hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 3-2022 cho đến nay.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ xuất phát từ tính cách hai người không hợp, anh Đ đã không tu trí làm ăn lo cho gia đình mà còn mắc tệ nạn xã hội nên vợ chồng sống không hòa hợp, hạnh phúc. Khi xảy ra mâu thuẫn cả chị T và anh Đ không ai có biện pháp, hành động thiết thực để hàn gắn nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Hai người đã sống ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đã biết việc chị T xin ly hôn nhưng không gửi văn bản ý kiến đến Tòa án, chứng tỏ bản thân anh Đ cũng không còn nguyện vọng, mong muốn tiếp tục chung sống với chị T. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Trần Thanh Liêm, sinh ngày 22-4-2010 và Trần Gia Phong, sinh ngày 22-4-2015. Hiện tại chị T đã đưa cháu Phong về sống cùng gia đình bên ngoại; cháu Liêm đang ở cùng gia đình bên nội và cháu có nguyện vọng được ở với anh Đ nhưng anh Đ cũng thường đi làm xa nhà nên nhờ ông bà nội chăm sóc cháu Liêm. Vì vậy khi ly hôn, chị T đề nghị được nuôi cả cháu Liêm và Phong không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Xét điều kiện hoàn cảnh, nguyện vọng của chị T và nguyện vọng của các con chung hiện nay thì thấy: Chị T hiện đang nuôi dưỡng cháu Phong và cháu Phong có nguyện vọng ở cùng chị T. Còn cháu Liêm có nguyện vọng muốn ở cùng anh Đ và gia đình bên nội, nhưng đến nay anh Đ không có ý kiến đề nghị được nuôi dưỡng cháu Liêm và thường đi làm ăn xa để cháu Liêm cho ông bà nội nuôi dưỡng. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị được nuôi dưỡng các con chung của chị T, giao cháu Liêm và cháu Phong cho chị T nuôi dưỡng và không buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con cho chị T là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Đinh Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị T và anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thanh Liêm, sinh ngày 22-4-2010 và Trần Gia Phong, sinh ngày 22-4-2015 cho chị Đinh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T, hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Đinh Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006196 ngày 03-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Ái

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Đê Nguyễn Văn Hóa

Vũ Văn Ái